| **BỘ TƯ PHÁP** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  *Hà Nội, ngày tháng năm 2025* |
| --- | --- |

**BẢN SO SÁNH QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT VỚI CÁC QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH VÀ LÝ DO ĐỀ XUẤT ĐIỀU CHỈNH**

**Đối với dự thảo Nghị quyết của Chính phủ quy định xử lý khó khăn, vướng mắc về đấu giá quyền sử dụng đất trong trường hợp giao đất, cho thuê đất theo quy định của Luật Đất đai và cơ sở dữ liệu**

**về công chứng theo quy định của Luật Công chứng**



| **Luật Đấu giá tài sản năm 2016, sửa đổi, bổ sung năm 2024** | **Dự thảo Nghị quyết** | **Thuyết minh lý do đề xuất chính sách cá biệt** |
| --- | --- | --- |
| **Điều 5. Giải thích từ ngữ**  “13. *Cổng Đấu giá tài sản quốc gia* là hệ thống công nghệ thông tin do cơ quan quản lý nhà nước về đấu giá tài sản xây dựng, quản lý và vận hành nhằm mục đích thống nhất quản lý thông tin về đấu giá tài sản và thực hiện đấu giá trực tuyến đáp ứng yêu cầu quản lý, kết nối, chia sẻ dữ liệu theo quy định của Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan.”  **Điều 77.** **Trách nhiệm của Chính phủ trong công tác quản lý nhà nước về đấu giá tài sản**  2. Bộ Tư pháp chịu trách nhiệm trước Chính phủ thực hiện quản lý nhà nước về đấu giá tài sản, có nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:  “e) Xây dựng, quản lý và hướng dẫn sử dụng Cổng Đấu giá tài sản quốc gia đáp ứng yêu cầu về bảo mật, an toàn an ninh thông tin; giao nhiệm vụ vận hành cho cơ quan chuyên môn, đơn vị trực thuộc tổ chức thực hiện;” | **Điều 2. Cổng Đấu giá tài sản quốc gia, Sàn Đấu giá trực tuyến**  1. Cổng Đấu giá tài sản quốc gia là hệ thống công nghệ thông tin do Bộ Tư pháp xây dựng, quản lý và vận hành nhằm mục đích thống nhất quản lý thông tin về đấu giá tài sản đáp ứng yêu cầu quản lý, kết nối, chia sẻ dữ liệu theo quy định của Luật Đấu giá tài sản và quy định khác của pháp luật có liên quan.  Bộ Tư pháp có trách nhiệm xây dựng, quản lý và hướng dẫn sử dụng Cổng Đấu giá tài sản quốc gia; giao nhiệm vụ vận hành cho cơ quan chuyên môn, đơn vị trực thuộc tổ chức thực hiện.  2. Sàn Đấu giá trực tuyến là hệ thống công nghệ thông tin thuộc Cổng Đấu giá tài sản quốc gia do Bộ Công an xây dựng, quản lý và vận hành có chức năng thực hiện đấu giá trực tuyến đáp ứng yêu cầu quản lý, kết nối, chia sẻ dữ liệu theo quy định của Luật Đấu giá tài sản và quy định khác của pháp luật có liên quan.  Bộ Công an có trách nhiệm xây dựng, quản lý và hướng dẫn sử dụng Sàn Đấu giá trực tuyến; giao nhiệm vụ vận hành cho cơ quan chuyên môn, đơn vị trực thuộc tổ chức thực hiện.  3. Việc xây dựng, quản lý và vận hành Cổng Đấu giá tài sản quốc gia, Sàn Đấu giá trực tuyến trang thông tin đấu giá trực tuyến của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản được thực hiện theo quy định của pháp luật về thông tin và truyền thông, pháp luật về thương mại điện tử và pháp luật về đấu giá tài sản.  Kinh phí xây dựng, quản lý, vận hành, bảo trì, nâng cấp Cổng Đấu giá tài sản quốc gia, Sàn Đấu giá trực tuyến được sử dụng từ nguồn ngân sách nhà nước và các nguồn khác theo quy định của pháp luật.  4. Chi phí sử dụng Sàn Đấu giá trực tuyến, chi phí thuê trang thông tin đấu giá trực tuyến của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản để tổ chức cuộc đấu giá bằng hình thức trực tuyến được tính vào chi phí đấu giá tài sản.  5. Yêu cầu, điều kiện đối với Cổng Đấu giá tài sản quốc gia, Sàn Đấu giá trực tuyến; trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong việc xây dựng, quản lý, vận hành, sử dụng Sàn Đấu giá trực tuyến được thực hiện theo quy định của Chính phủ. | Theo quy định của Đấu giá tài sản năm 2016, sửa đổi, bổ sung năm 2024 thì Bộ Tư pháp là cơ quan có trách nhiệm xây dựng, quản lý Cổng Đấu giá tài sản quốc gia; Cổng Đấu giá tài sản quốc gia có hai chức năng là quản lý thông tin về đấu giá tài sản và thực hiện đấu giá trực tuyến.  Tuy nhiên, qua thực tiễn triển khai thực hiện Đề án số 06 của Thủ tướng Chính phủ về phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030 cho thấy việc thực hiện thí điểm Sàn đấu giá trực tuyến do Bộ Công an xây dựng để đấu giá tài sản là tang vật, phương tiện xử lý vi phạm hành chính và đấu giá biển số xe đã phát huy hiệu quả tích cực. Do đó, việc quy định giao Bộ Công an là cơ quan chủ trì xây dựng, quản lý và vận hành Sàn Đấu giá tài sản quốc gia đề thực hiện chức năng đấu giá bằng hình thức trực tuyến sẽ góp phần phát huy tối đa nguồn lực ứng dụng CNTT, số hoá hoạt động đấu giá trực tuyến theo Đề án số 06, đồng thời, bảo đảm tính bảo mật thông tin, dữ liệu.  Trên cơ sở đó, Văn phòng Chính phủ đã có Thông báo số 292/TB-VPCP ngày 09/6/2025 thông báo kết luận Phiên họp lần thứ hai Ban Chỉ đạo của Chính phủ về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và Tổ Công tác triển khai Đề án 06, cải cách TTHC và chuyển đổi số gắn với Đề án 06 đã có Thông báo số 3721/TB-TCT ngày 09/6/2025 thông báo kết luận Phiên họp lần thứ nhất Tổ Công tác triển khai Đề án 06, cải cách TTHC và chuyển đổi số gắn với Đề án 06 giao: “Bộ Công an chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành địa phương nghiên cứu, đề xuất xây dựng sàn đấu giá tài sản công báo cáo Thủ tướng Chính phủ trước 30/6/2025”; “Bộ Tư pháp phối hợp với Bộ Công an hoàn thiện kết nối Trang thông tin đấu giá với hệ thống Sàn đấu giá tài sản trực tuyến của Bộ Công an. Đề xuất sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu giá tài sản năm 2016, sửa đổi năm 2024 để phù hợp với triển khai xây dựng Cổng đấu giá tài sản quốc gia”.  Đối với các thông tin liên quan đến trình tự, thủ tục đấu giá tài sản tiếp tục được đăng tải trên Cổng Đấu giá tài sản quốc gia do Bộ Tư pháp thống nhất xây dựng, quản lý, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của Bộ Tư pháp là cơ quan chịu trách nhiệm trước Chính phủ thực hiện quản lý nhà nước về đấu giá tài sản. |
| **Điều 39. Tiền đặt trước và xử lý tiền đặt trước**  Tiền đặt trước do tổ chức hành nghề đấu giá tài sản và người có tài sản đấu giá thỏa thuận, nhưng tối thiểu là năm phần trăm và tối đa là hai mươi phần trăm giá khởi điểm của tài sản đấu giá, trừ trường hợp:  “b) Trường hợp đấu giá quyền sử dụng đất đối với trường hợp giao đất, cho thuê đất để thực hiện dự án đầu tư thì tiền đặt trước tối thiểu là mười phần trăm và tối đa là hai mươi phần trăm giá khởi điểm;” | **Điều 3. Tiền đặt trước tham gia đấu giá quyền sử dụng đất trong trường hợp giao đất, cho thuê đất**  Trường hợp đấu giá quyền sử dụng đất đối với trường hợp giao đất ở cho cá nhân, trường hợp giao đất, cho thuê đất để thực hiện dự án đầu tư thì tiền đặt trước tối thiểu là mười phần trăm và tối đa là năm mươi phần trăm giá khởi điểm. | Thời gian qua, hoạt động đấu giá quyền sử dụng đất đã xảy ra tình trạng người tham gia đấu giá lợi dụng quy định về tiền đặt trước thấp để tham gia đấu giá, trả giá cao rồi bỏ cọc nhằm trục lợi hoặc mục đích riêng, tác động tiêu cực đến thị trường bất động sản, ảnh hưởng đến việc khai thác có hiệu quả nguồn lực đất đai phục vụ phát triển kinh tế, xã hội. Do đó, cần thiết quy định nâng mức tiền đặt trước để kịp thời ngăn chặn tình trạng này.  Tại Công văn số 6369-CV/UBKTTW ngày 23/6/2025 của Uỷ ban Kiểm tra Trung ương liên quan đến việc thực hiện ý kiến chỉ đạo của đồng chí Tổng Bí thư đối với kết quả giám sát thường xuyên, nắm tình hình đấu giá quyền sử dụng đất trong thời gian qua và tổng hợp đề xuất, kiến nghị trong thời gian tới đã đề nghị “nghiên cứu sửa đổi ngay quy định nâng mức tiền đặt trước của cá nhân tham gia đấu giá từ tối đa 20% lên 50%”.  Trên cơ sở đó, dự thảo Nghị quyết quy định trường hợp đấu giá quyền sử dụng đất đối với trường hợp giao đất ở cho cá nhân, trường hợp giao đất, cho thuê đất để thực hiện dự án đầu tư thì tiền đặt trước tối thiểu là mười phần trăm và tối đa là năm mươi phần trăm giá khởi điểm. |
|  | **Điều 4. Xử lý vi phạm người trúng đấu giá quyền sử dụng đất trong trường hợp giao đất, cho thuê đất**  1. Người trúng đấu giá quyền sử dụng đất đối với trường hợp giao đất ở cho cá nhân vi phạm nghĩa vụ thanh toán tiền trúng đấu giá dẫn đến quyết định công nhận kết quả đấu giá bị hủy, tùy theo tính chất, mức độ vi phạm thì bị cấm tham gia đấu giá quyền sử dụng đất đối với trường hợp giao đất ở trong thời hạn từ 06 tháng đến 05 năm.  2. Cơ quan có thẩm quyền phê duyệt kết quả trúng đấu giá quyền sử dụng đất đối với trường hợp giao đất ở cho cá nhân là cơ quan có thẩm quyền quyết định cấm tham gia đấu giá quy định tại khoản 1 Điều này.  3. Người trúng đấu giá quyền sử dụng đất trong trường hợp giao đất, cho thuê đất vi phạm nghĩa vụ thanh toán tiền trúng đấu giá dẫn đến quyết định công nhận kết quả đấu giá bị hủy thì ngoài việc bị cấm tham gia đấu giá quy định tại khoản 1 Điều này, khoản 2 Điều 70 Luật Đấu giá tài sản số 01/2016/QH14 ngày 17 tháng 11 năm 2016 của Quốc hội, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật Giá số 16/2023/QH15 ngày 19 tháng 6 năm 2023 của Quốc hội, Luật số 37/2024/QH15 ngày 27 tháng 6 năm 2024 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu giá tài sản còn có trách nhiệm thanh toán đầy đủ chi phí tổ chức đấu giá, giá dịch vụ đấu giá tài sản và các chi phí liên quan khác của cuộc đấu giá đó theo thông báo của cơ quan có thẩm quyền phê duyệt kết quả trúng đấu giá quyền sử dụng đất. | Luật Đấu giá tài sản năm 2016 (sửa đổi, bổ sung năm 2024) mới chỉ quy định chế tài cấm đối với chủ thể là tổ chức (doanh nghiệp) tham gia đấu giá quyền sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư và quyền khai thác khoáng sản trúng đấu giá nhưng sau đó bỏ cọc, không thanh toán tiền trúng đấu giá với thời hạn cấm từ 06 tháng đến 05 năm.  Tuy nhiên, thời gian qua, đã xảy ra tình trạng cá nhân tham gia đấu giá đã lợi dụng các quy định nêu trên để trả giá cao rồi bỏ cọc nhằm trục lợi hoặc mục đích riêng, tác động tiêu cực đến thị trường bất động sản, ảnh hưởng đến việc khai thác có hiệu quả nguồn lực đất đai phục vụ phát triển kinh tế, xã hội. Do đó, cần thiết bổ sung quy định về chế tài xử lý vi phạm đối với chủ thể là cá nhân vi phạm nghĩa vụ thanh toán tiền trúng đấu giá.  Đồng thời, để xử lý nghiêm tình trạng người tham gia đấu giá trả giá cao rồi bỏ cọc, lợi dụng hoạt động đấu giá quyền sử dụng đất để trục lợi, cần thiết bổ sung quy định ngoài việc bị cấm tham gia đấu giá, người trúng đấu giá “bỏ cọc” còn có trách nhiệm thanh toán đầy đủ chi phí tổ chức đấu giá, giá dịch vụ đấu giá tài sản và các chi phí liên quan khác của cuộc đấu giá đó. |

| **Luật Công chứng số 46/2024/QH15; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 09/2017/QH14, Luật số 23/2018/QH14, Luật số 72/2020/QH14, Luật số 16/2023/QH15, Luật số 20/2023/QH15, Luật số 24/2023/QH15, Luật số 33/202****4/QH15, Luật số 35/2024/QH15** | **Dự thảo Nghị quyết** | **Thuyết minh lý do đề xuất chính sách cá biệt** |
| --- | --- | --- |
| **LUẬT CÔNG CHỨNG SỐ 46/2024/QH15** |  |  |
| **Điều 36. Nghĩa vụ của tổ chức hành nghề công chứng** 1. Theo dõi, bảo đảm cho công chứng viên hành nghề tại tổ chức mình trong việc thực hiện thủ tục công chứng theo quy định của pháp luật, tuân thủ Quy tắc đạo đức hành nghề công chứng, Điều lệ Hiệp hội công chứng viên Việt Nam và thực hiện các quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.  2. Chấp hành quy định của pháp luật về lao động, thuế, tài chính, thống kê.  3. Thực hiện chế độ làm việc theo ngày, giờ làm việc của cơ quan hành chính nhà nước và bảo đảm việc công chứng viên, nhân viên của tổ chức mình thực hiện đúng quy định về ngày, giờ làm việc của tổ chức.  4. Niêm yết lịch làm việc, thủ tục công chứng, nội quy tiếp người yêu cầu công chứng, phí công chứng, phí, giá dịch vụ theo yêu cầu liên quan đến việc công chứng và chi phí khác tại trụ sở của tổ chức mình; báo cáo Sở Tư pháp phê duyệt và niêm yết danh sách cộng tác viên dịch thuật của tổ chức mình.  5. Mua bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp cho công chứng viên của tổ chức mình theo quy định tại Điều 39 của Luật này; bồi thường thiệt hại theo quy định tại Điều 40 của Luật này.  6. Tiếp nhận, quản lý và tạo điều kiện thuận lợi cho người tập sự hành nghề công chứng trong quá trình tập sự tại tổ chức mình.  7. Tạo điều kiện cho công chứng viên của tổ chức mình trong việc hành nghề công chứng, tham gia bồi dưỡng nghiệp vụ công chứng hằng năm.  8. Thực hiện yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về việc báo cáo, kiểm tra, thanh tra, cung cấp thông tin về giao dịch đã công chứng; giấy tờ, tài liệu đã chứng thực.  9. Lập sổ yêu cầu công chứng, sổ công chứng, các loại sổ khác và lưu trữ hồ sơ công chứng theo quy định của pháp luật.  10. Cung cấp thông tin để đưa vào cơ sở dữ liệu công chứng *theo quy định tại Điều 66 của Luật này.*  11. Giữ bí mật về nội dung công chứng, trừ trường hợp được người yêu cầu công chứng đồng ý bằng văn bản hoặc pháp luật có quy định khác.  12. Sử dụng con dấu tại trụ sở tổ chức hành nghề công chứng và thực hiện quy định của pháp luật về quản lý và sử dụng con dấu.  13. Tiếp nhận hồ sơ công chứng do Sở Tư pháp chỉ định theo quy định tại Điều 68 của Luật này.  14. Nghĩa vụ khác theo quy định của Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan. | **Quy định tại khoản 4 Điều 5**  4. Tổ chức hành nghề công chứng có nghĩa vụ cung cấp thông tin để đưa vào Cơ sở dữ liệu công chứng theo quy định tại khoản 1 Điều này. Trường hợp nhận bàn giao hồ sơ của Văn phòng công chứng tạm ngừng hoạt động, tổ chức hành nghề công chứng giải thể hoặc chấm dứt hoạt động có trách nhiệm cập nhật thông tin liên quan đến hồ sơ bàn giao vào cơ sở dữ liệu công chứng từ thời điểm nhận bàn giao. | Tại Thông báo Kết luận số 39-TB/TGV ngày 09/8/2025 của Tổ giúp việc, Ban Chỉ đạo trung ương về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số đã có yêu cầu:  + Các bộ, ngành, các cơ quan trong hệ thống chính trị khẩn trương rà soát, đánh giá để xây dựng, nâng cấp, hoàn thiện nền tảng của bộ ngành mình (phần cứng, phần mềm) bảo đảm các yêu cầu: (i) những gì có thể dùng chung thì phải dùng chung, không để lãnh phí, trùng lặp; (ii) vận hành xuyên suốt từ trung ương đến địa phương; (iii) có khả năng kết nối với các nền tảng khác trong toàn hệ thống chính trị; (iv) tuân thủ các quy định về khung kiến trúc, kiến trúc về chuyển đổi, dữ liệu; (v) phục vụ hiệu quả công tác thống kê, phân tích, quản lý, điều hành của bộ, ngành mình và toàn hệ thống chính trị. Hoàn thành trong tháng 12/2025 (Mục II.3.a, trang 4).  + Bộ Tư pháp chủ trì, phối hợp với Bộ Công an đầu tư xây dựng phần mềm dùng chung, xuyên suốt từ trung ương đến cơ sở cho các Cơ sở dữ liệu chưa có, nhằm thống nhất quy trình và nâng cao hiệu quả khai thác dữ liệu (Mục II.3.e, trang 5).  Tại Nghị quyết số 214/NQ-CP ngày 23/7/2025 của Chính phủ ban hành Kế hoạch hành động của Chính phủ về thúc đẩy tạo lập dữ liệu phục vụ chuyển đổi số toàn diện, theo đó mục tiêu, yêu cầu được xác định các đều hướng tới việc xây dựng CSDL dùng chung, xuyên suốt từ trung ương đến địa phương, trong đó có Cơ sở dữ liệu công chứng[[1]](#footnote-0) (Mục II.10 trang 12 Phụ lục I danh mục các cơ sở dữ liệu quốc gia, chuyên ngành).  Do đó, việc sửa đổi khoản 10 Điều 36, Điều 66 nhằm kịp thời thực hiện chủ trương mới tại Nghị quyết số 214/NQ-CP và Thông báo Kết luận số 39-TB/TGV về xây dựng Cơ sở dữ liệu thống nhất, dùng chung, tránh lãnh phí nguồn lực, nâng cao hiệu suất sử dụng Cơ sở dữ liệu công chứng.  . |
| **Điều 66. Cơ sở dữ liệu công chứng**  1. Cơ sở dữ liệu công chứng bao gồm cơ sở dữ liệu công chứng của Bộ Tư pháp và cơ sở dữ liệu công chứng của địa phương.  2. Cơ sở dữ liệu công chứng của Bộ Tư pháp bao gồm thông tin về công chứng viên, tổ chức hành nghề công chứng, số liệu về kết quả hoạt động công chứng; các thông tin được tích hợp, đồng bộ từ cơ sở dữ liệu công chứng tại địa phương theo lộ trình do Chính phủ quy định.  Bộ Tư pháp có trách nhiệm xây dựng cơ sở dữ liệu công chứng của Bộ Tư pháp; ban hành quy chế quản lý, cập nhật, khai thác, sử dụng, chia sẻ cơ sở dữ liệu công chứng của Bộ Tư pháp.  3. Cơ sở dữ liệu công chứng của địa phương bao gồm thông tin về nguồn gốc tài sản, tình trạng giao dịch của tài sản, các thông tin về biện pháp ngăn chặn và cảnh báo rủi ro trong hoạt động công chứng, thông tin về giao dịch đã được công chứng, văn bản công chứng và tài liệu liên quan trong hồ sơ công chứng.  Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm xây dựng cơ sở dữ liệu công chứng của địa phương; ban hành quy chế quản lý, cập nhật, khai thác, sử dụng, chia sẻ cơ sở dữ liệu công chứng của địa phương.  4. Cơ sở dữ liệu công chứng phải được cập nhật đủ, chính xác, kịp thời và bảo đảm an ninh, an toàn theo quy định của pháp luật. Việc thu thập, khai thác, sử dụng và cung cấp thông tin cơ sở dữ liệu công chứng phải tuân thủ các quy định của pháp luật về bảo vệ đời sống riêng tư, bí mật cá nhân, bí mật gia đình.  Việc kết nối, chia sẻ thông tin giữa cơ sở dữ liệu công chứng với các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu của Bộ, ngành, địa phương và các cơ sở dữ liệu khác phải bảo đảm hiệu quả, an toàn, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan.  5. Kinh phí xây dựng,quản lý, vận hành, bảo trì, nâng cấp cơ sở dữ liệu công chứng được sử dụng từ nguồn ngân sách nhà nước và các nguồn khác theo quy định của pháp luật.  6. Chính phủ quy định chi tiết Điều này. | **Quy định tại khoản 1 Điều 5**  1. Cơ sở dữ liệu công chứng do Bộ Tư pháp xây dựng và quản lý tập trung, thống nhất từ trung ương đến địa phương. Cơ sở dữ liệu công chứng bao gồm thông tin về công chứng viên, tổ chức hành nghề công chứng, số liệu về kết quả hoạt động công chứng; nguồn gốc tài sản, tình trạng giao dịch của tài sản, các thông tin về biện pháp ngăn chặn và cảnh báo rủi ro trong hoạt động công chứng, thông tin về giao dịch đã được công chứng, văn bản công chứng.  2. Cơ sở dữ liệu công chứng phải được cập nhật đủ, chính xác, kịp thời và bảo đảm an ninh, an toàn theo quy định của pháp luật. Việc thu thập, khai thác, sử dụng và cung cấp thông tin Cơ sở dữ liệu công chứng phải tuân thủ các quy định của pháp luật về bảo vệ đời sống riêng tư, bí mật cá nhân, bí mật gia đình.  3. Việc kết nối, chia sẻ, cung cấp thông tin trong Cơ sở dữ liệu công chứng với các bộ, ngành có liên quan và địa phương phục vụ quản lý nhà nước và giải quyết thủ tục hành chính được thực hiện theo quy định của Chính phủ về quản lý, kết nối và chia sẻ dữ liệu số của cơ quan nhà nước, pháp luật về dữ liệu và giao dịch điện tử. |
| **Nghị định số 104/2025/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật công chứng** |  |  |
| **Điều 51. Nền tảng công chứng điện tử và cổng tham chiếu dữ liệu công chứng**  1. Nền tảng công chứng điện tử là hệ thống thông tin được tạo lập trên môi trường điện tử cho phép các bên cung cấp, sử dụng và thực hiện dịch vụ công chứng điện tử theo quy định của pháp luật về công chứng và giao dịch điện tử, đáp ứng các điều kiện sau đây:  a) Có giải pháp, công nghệ sử dụng tài khoản định danh điện tử tối thiểu là mức độ 2 của cá nhân, tài khoản định danh điện tử của tổ chức theo quy định của pháp luật về định danh và xác thực điện tử;  b) Khi cung cấp dịch vụ công chứng điện tử trực tuyến, phải có giải pháp, công nghệ xác thực tài khoản định danh điện tử đáp ứng mức độ 02 trở lên theo pháp luật về định danh và xác thực điện tử;  c) Có giải pháp, công nghệ để thu thập, hỗ trợ kiểm tra và đối chiếu, bảo đảm bản sao điện tử trong hồ sơ công chứng điện tử có nội dung đầy đủ, chính xác và khớp đúng so với bản chính theo quy định của pháp luật;  d) Có giải pháp, công nghệ video call để hỗ trợ công chứng viên tương tác với người tham gia giao dịch và hỗ trợ chụp, lưu hình ảnh người tham gia giao dịch ký văn bản công chứng;  đ) *Phải kết nối với cơ sở dữ liệu công chứng của địa phương* nơi tổ chức hành nghề công chứng hoạt động để cung cấp thông tin cập nhật vào cơ sở dữ liệu công chứng theo thời gian thực;  e) Sử dụng phần mềm ký số đáp ứng yêu cầu của pháp luật về chữ ký số và dịch vụ tin cậy.  2. Cổng tham chiếu dữ liệu công chứng là điểm truy cập chính thức để tham chiếu thông tin văn bản công chứng và các dữ liệu công chứng khác theo quy định của pháp luật.  3. Cơ sở dữ liệu công chứng, nền tảng công chứng điện tử và cổng tham chiếu dữ liệu công chứng phải đáp ứng tiêu chuẩn an toàn hệ thống thông tin tối thiểu là cấp độ 3 theo quy định của pháp luật về an toàn thông tin mạng.  4. Tổ chức hành nghề công chứng sử dụng nền tảng công chứng điện tử và khai thác cơ sở dữ liệu công chứng phải trả chi phí theo quy định của pháp luật. | **Quy định tại đoạn 3 khoản 3 Điều 5**  Nền tảng công chứng điện tử phải kết nối với Cơ sở dữ liệu công chứng để cung cấp thông tin cập nhật vào Cơ sở dữ liệu công chứng theo thời gian thực. | Việc sửa đổi điểm đ khoản 1 ĐIều 51 nhằm đảm bảo sự thống nhất giữa Luật Công chứng và văn bản hướng dẫn thi hành Luật vì theo dự thảo Nghị quyết này không còn Cơ sở dữ liệu của địa phương. |
| **Điều 55. Cập nhật, khai thác, sử dụng cơ sở dữ liệu công chứng**  1. Việc thu thập, khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu công chứng phải tuân thủ các quy định của pháp luật về bảo vệ dữ liệu cá nhân, đời sống riêng tư, bí mật cá nhân, bí mật gia đình, quy định của [Luật Công chứng](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Dich-vu-phap-ly/Luat-cong-chung-2024-so-46-2024-QH15-524982.aspx) và pháp luật khác có liên quan.  *2. Quy chế quản lý, cập nhật, khai thác, sử dụng, chia sẻ cơ sở dữ liệu công chứng của Bộ Tư pháp hoặc của địa phương theo quy định tại* *khoản 2 và khoản 3 Điều 66 của Luật Công chứng* phải quy định rõ trách nhiệm của các cá nhân, cơ quan, tổ chức có liên quan trong việc cập nhật thông tin, khai thác, sử dụng, chia sẻ cơ sở dữ liệu và chi phí khai thác, sử dụng. | **Quy định tại khoản 5 Điều 5**  5. Bộ Tư pháp có trách nhiệm ban hành quy chế quản lý, cập nhật, khai thác, sử dụng, chia sẻ Cơ sở dữ liệu công chứng. Quy chế quy định rõ trách nhiệm của các cá nhân, cơ quan, tổ chức có liên quan trong việc cập nhật thông tin, khai thác, sử dụng, chia sẻ Cơ sở dữ liệu. | Việc sửa đổi khoản 2 Điều 55 nhằm đảm bảo sự thống nhất giữa Luật Công chứng và văn bản hướng dẫn thi hành Luật vì theo dự thảo Nghị quyết này không còn Cơ sở dữ liệu của Bộ Tư pháp và Cơ sở dữ liệu của địa phương mà chỉ có một Cơ sở dữ liệu công chứng tập trung, thống nhất trong phạm vi toàn quốc. |
| **Điều 56. Kết nối, chia sẻ, cung cấp thông tin, dữ liệu công chứng**  1. Việc chia sẻ, cung cấp thông tin trong cơ sở dữ liệu công chứng của Bộ Tư pháp với các bộ, ngành có liên quan và địa phương phục vụ quản lý nhà nước và giải quyết thủ tục hành chính được thực hiện theo quy định của Chính phủ về quản lý, kết nối và chia sẻ dữ liệu số của cơ quan nhà nước, pháp luật về dữ liệu và giao dịch điện tử.  2. Cơ sở dữ liệu công chứng của Bộ Tư pháp được kết nối, chia sẻ với cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia, cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, cơ sở dữ liệu về đất đai, nhà ở, thuế và các cơ sở dữ liệu có liên quan. Việc kết nối, chia sẻ được thực hiện theo quy định của pháp luật về dữ liệu và giao dịch điện tử. | **Quy định tại khoản 3 Điều 5**  3. Việc kết nối, chia sẻ, cung cấp thông tin trong Cơ sở dữ liệu công chứng với các bộ, ngành có liên quan và địa phương phục vụ quản lý nhà nước và giải quyết thủ tục hành chính được thực hiện theo quy định của Chính phủ về quản lý, kết nối và chia sẻ dữ liệu số của cơ quan nhà nước, pháp luật về dữ liệu và giao dịch điện tử.  Cơ sở dữ liệu công chứng được kết nối, chia sẻ với Cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia, Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu về đất đai, nhà ở, thuế và các cơ sở dữ liệu có liên quan. Việc kết nối, chia sẻ được thực hiện theo quy định của pháp luật về dữ liệu và giao dịch điện tử. | Việc sửa đổi Điều 56 nhằm đảm bảo sự thống nhất giữa Luật Công chứng và văn bản hướng dẫn thi hành Luật vì theo dự thảo Nghị quyết này không còn Cơ sở dữ liệu của Bộ Tư pháp và Cơ sở dữ liệu của địa phương mà chỉ có một Cơ sở dữ liệu công chứng tập trung, thống nhất trong phạm vi toàn quốc. |
| **Điều 57. Đồng bộ cơ sở dữ liệu công chứng của địa phương với cơ sở dữ liệu công chứng của Bộ Tư pháp**  1. Bộ Tư pháp hướng dẫn nội dung dữ liệu và yêu cầu kỹ thuật chung phục vụ cho việc đồng bộ cơ sở dữ liệu công chứng của địa phương với cơ sở dữ liệu công chứng của Bộ Tư pháp.  2. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ đạo việc xây dựng, nâng cấp cơ sở dữ liệu công chứng của địa phương đầy đủ thông tin cơ bản phù hợp với yêu cầu kỹ thuật theo hướng dẫn của Bộ Tư pháp.  3. Việc đồng bộ dữ liệu bao gồm các nội dung sau đây:  a) Xác định dữ liệu bắt buộc phải được đồng bộ gồm: Thông tin theo quy định tại khoản 2 Điều 66 của Luật Công chứng; thông tin văn bản công chứng và các dữ liệu công chứng khác ở dạng điện tử theo quy định của pháp luật có thể được tham chiếu tại Cổng tham chiếu dữ liệu công chứng;  b) Xác định thời gian đồng bộ;  c) Xác định trách nhiệm thực hiện đồng bộ.  4. Quy trình đồng bộ dữ liệu được thực hiện theo các bước sau đây:  a) Thông tin thuộc hồ sơ công chứng đã ở tình trạng kết thúc tại cơ sở dữ liệu công chứng của địa phương theo quy trình nghiệp vụ công chứng;  b) Cơ sở dữ liệu công chứng của địa phương tự động đồng bộ dữ liệu lên cơ sở dữ liệu công chứng của Bộ Tư pháp thông qua tiêu chuẩn kỹ thuật kết nối;  c) Cơ sở dữ liệu công chứng của địa phương tiếp nhận kết quả trả về. | Bãi bỏ Điều 57 | Việc bãi bỏ Điều 57 vì dự thảo Nghị quyết theo hướng có một Cơ sở dữ liệu công chứng tập trung, thống nhất trong phạm vi toàn quốc mà không còn Cơ sở dữ liệu công chứng của Bộ Tư pháp và Cơ sở dữ liệu của địa phương; do đó, không cần quy định về việc đồng bộ giữa Cơ sở dữ liệu công chứng của địa phương với cơ sở dữ liệu công chứng của Bộ Tư pháp. |
| **Điều 62. Trách nhiệm của Bộ Tư pháp và các bộ, cơ quan ngang bộ có liên quan**  1. Bộ Tư pháp chịu trách nhiệm trước Chính phủ trong việc thực hiện quản lý nhà nước về công chứng trên phạm vi cả nước, có các nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:  a) Ban hành hoặc trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành văn bản quy phạm pháp luật về công chứng;  b) Xây dựng, trình Chính phủ ban hành chiến lược phát triển về lĩnh vực công chứng;  c) Rà soát, cập nhật, đăng tải các giao dịch phải được công chứng, chứng thực trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Tư pháp;  d) Tuyên truyền, phổ biến pháp luật về công chứng, chiến lược phát triển về lĩnh vực công chứng;  đ) Bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm công chứng viên;  e) Hướng dẫn các địa phương xây dựng Đề án quản lý, phát triển các tổ chức hành nghề công chứng; chủ trì, phối hợp với bộ, ngành có liên quan hướng dẫn, quản lý hoạt động của công chứng viên và các tổ chức hành nghề công chứng trong cả nước;  g) Phê duyệt Điều lệ của Hiệp hội công chứng viên Việt Nam sau khi thống nhất ý kiến với Bộ Nội vụ; đình chỉ thi hành và yêu cầu sửa đổi nghị quyết, quyết định, quy định, Quy tắc đạo đức hành nghề công chứng do Hiệp hội công chứng viên Việt Nam ban hành trái với quy định của [Luật Công chứng](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Dich-vu-phap-ly/Luat-cong-chung-2024-so-46-2024-QH15-524982.aspx) và pháp luật có liên quan; thực hiện các nhiệm vụ quản lý nhà nước khác đối với Hiệp hội công chứng viên Việt Nam;  h) Kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm về hoạt động công chứng theo thẩm quyền;  i) Quản lý và thực hiện hợp tác quốc tế về hoạt động công chứng;  *k) Hướng dẫn về chuẩn dữ liệu cơ sở dữ liệu công chứng của địa phương*; hướng dẫn về yêu cầu kỹ thuật của nền tảng công chứng điện tử;  l) Nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của [Luật Công chứng](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Dich-vu-phap-ly/Luat-cong-chung-2024-so-46-2024-QH15-524982.aspx), Nghị định này và pháp luật có liên quan.  2. Bộ Ngoại giao chủ trì, phối hợp với Bộ Tư pháp trong việc hướng dẫn, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo theo thẩm quyền đối với việc thực hiện công chứng của Cơ quan đại diện ngoại giao; tổ chức bồi dưỡng nghiệp vụ công chứng cho viên chức ngoại giao được giao thực hiện công chứng; định kỳ hằng năm báo cáo Bộ Tư pháp về hoạt động công chứng của Cơ quan đại diện ngoại giao. Viên chức ngoại giao được giao thực hiện việc công chứng theo quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 73 của Luật Công chứng thực hiện thủ tục công chứng theo quy định tại Chương V của Nghị định này.  3. *Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với Bộ Tư pháp quy định chế độ thu, nộp, quản lý, sử dụng phí công chứng*; phí chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký trong giấy tờ, văn bản, chứng thực chữ ký người dịch; phí thẩm định tiêu chuẩn, điều kiện hành nghề đối với trường hợp tham dự kiểm tra kết quả tập sự hành nghề công chứng, đối với trường hợp bổ nhiệm, bổ nhiệm lại công chứng viên; phí cấp, cấp lại giấy đăng ký hoạt động của Văn phòng công chứng; lệ phí cấp, cấp lại thẻ công chứng viên và hướng dẫn việc thực hiện quy định về bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp của công chứng viên theo quy định của pháp luật về kinh doanh bảo hiểm và Nghị định này.  4. Các bộ, cơ quan ngang bộ, trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình, có trách nhiệm phối hợp với Bộ Tư pháp thực hiện quản lý nhà nước về công chứng. | **Quy định tại khoản 4 Điều 6 và khoản 3 Điều 7**  2. Bãi bỏ trách nhiệm của Bộ Tư pháp hướng dẫn về chuẩn dữ liệu Cơ sở dữ liệu công chứng của địa phương tại điểm k khoản 1 Điều 62 Luật Công chứng số 46/2024/QH15 (khoản 4 Điều 6)  3. Bộ Tài chính trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ của mình có trách nhiệm rà soát, đề xuất sửa đổi, bổ sung Phụ lục số 01 về Danh mục phí, lệ phí ban hành kèm theo [Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Thue-Phi-Le-Phi/Luat-phi-va-le-phi-2015-298376.aspx) đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số [09/2017/QH14](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Van-hoa-Xa-hoi/Luat-du-lich-2017-322936.aspx), Luật số [23/2018/QH14](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Doanh-nghiep/Luat-canh-tranh-345182.aspx), Luật số [72/2020/QH14](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Tai-nguyen-Moi-truong/Luat-so-72-2020-QH14-Bao-ve-moi-truong-2020-431147.aspx), Luật số [16/2023/QH15](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Tai-chinh-nha-nuoc/Luat-Gia-2023-16-2023-QH15-519324.aspx), Luật số [20/2023/QH15](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Cong-nghe-thong-tin/Luat-Giao-dich-dien-tu-2023-20-2023-QH15-513347.aspx), Luật số [24/2023/QH15](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Cong-nghe-thong-tin/Luat-Vien-thong-24-2023-QH15-535782.aspx), Luật số [33/2024/QH15](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Bo-may-hanh-chinh/Luat-Luu-tru-2024-545181.aspx) và Luật số [35/2024/QH15](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Giao-thong-Van-tai/Luat-Duong-bo-2024-588811.aspx) để bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ; *chủ trì, phối hợp với Bộ Tư pháp và bộ, ngành liên quan quy định chế độ thu, nộp, quản lý, sử dụng phí phí khai thác, sử dụng dữ liệu trong Cơ sở dữ liệu công chứng* (khoản 3 Điều 7). | Việc sửa đổi, bổ sung quy định điểm k khoản 1 và khoản 3 Điều 62 và bổ sung quy định về phí khai thác, sử dụng dữ liệu trong Cơ sở dữ liệu công chứng vì dự thảo Nghị quyết theo hướng có một Cơ sở dữ liệu công chứng tập trung, thống nhất trong phạm vi toàn quốc mà không còn Cơ sở dữ liệu công chứng của Bộ Tư pháp và Cơ sở dữ liệu của địa phương; do đó, không cần quy định việc hướng dẫn về chuẩn dữ liệu cơ sở dữ liệu công chứng của địa phương. Đồng thời, bổ sung chủ trì, phối hợp với Bộ Tư pháp và bộ, ngành liên quan quy định chế độ thu, nộp, quản lý, sử dụng phí phí khai thác, sử dụng dữ liệu trong cơ sở dữ liệu công chứng nhằm tạo cơ sở pháp lý cho việc thu phí khai thác, sử dụng dữ liệu trong Cơ sở dữ liệu công chứng. Việc thu phí này nhằm đảm bảo có nguồn kinh phí để vận hành hoạt động Cơ sở dữ liệu công chứng, giúp giảm bớt gánh nặng cho ngân sách nhà nước. Việc thu phí này thống nhất với Luật Dữ liệu. |
| **Điều 63. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh**  1. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện việc quản lý nhà nước về công chứng tại địa phương và có các nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:  a) Tổ chức thi hành, tuyên truyền, phổ biến pháp luật về công chứng, chiến lược phát triển về lĩnh vực công chứng;  b) Ban hành và triển khai thực hiện Đề án quản lý, phát triển tổ chức hành nghề công chứng tại địa phương phù hợp với quy định của [Luật Công chứng](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Dich-vu-phap-ly/Luat-cong-chung-2024-so-46-2024-QH15-524982.aspx) và chiến lược phát triển về lĩnh vực công chứng của Chính phủ; quyết định biện pháp hỗ trợ Văn phòng công chứng thành lập tại các địa bàn cấp huyện có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, đặc biệt khó khăn phù hợp với tình hình thực tế tại địa phương và quy định pháp luật có liên quan;  c) Quyết định thành lập mới Phòng công chứng theo quy định của [Luật Công chứng](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Dich-vu-phap-ly/Luat-cong-chung-2024-so-46-2024-QH15-524982.aspx), bảo đảm cơ sở vật chất và các điều kiện làm việc khác cho các Phòng công chứng; quyết định việc chuyển đổi, giải thể Phòng công chứng theo quy định của [Luật Công chứng](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Dich-vu-phap-ly/Luat-cong-chung-2024-so-46-2024-QH15-524982.aspx), Nghị định này và pháp luật có liên quan;  d) Quyết định cho phép thành lập, thu hồi quyết định cho phép thành lập Văn phòng công chứng, cho phép hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi, chuyển nhượng phần vốn góp, bán Văn phòng công chứng theo quy định của [Luật Công chứng](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Dich-vu-phap-ly/Luat-cong-chung-2024-so-46-2024-QH15-524982.aspx), Nghị định này và pháp luật có liên quan;  đ) Ban hành mức giá tối đa đối với dịch vụ theo yêu cầu liên quan đến việc công chứng tại địa phương;  e) Xem xét, quyết định chuyển giao thẩm quyền chứng thực giao dịch cho tổ chức hành nghề công chứng tại những địa bàn cấp huyện có ít nhất 01 tổ chức hành nghề công chứng đã được thành lập từ 02 năm trở lên và đang hoạt động ổn định, hiệu quả tại thời điểm quyết định việc chuyển giao; các tổ chức hành nghề công chứng được phân bố hợp lý, thuận lợi cho cá nhân, tổ chức có nhu cầu công chứng tại địa phương;  g) Quản lý nhà nước đối với Hội công chứng viên tại địa phương;  h) Thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, xử lý vi phạm về công chứng theo thẩm quyền;  i) Báo cáo Bộ Tư pháp về hoạt động công chứng tại địa phương theo định kỳ hằng năm hoặc theo yêu cầu;  k) Điều chỉnh danh mục địa bàn được thành lập Văn phòng công chứng theo loại hình doanh nghiệp tư nhân, việc chuyển giao thẩm quyền chứng thực giao dịch cho tổ chức hành nghề công chứng tại địa phương trong trường hợp có thay đổi về việc tổ chức chính quyền địa phương theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền;  *l) Đầu tư xây dựng cơ sở dữ liệu công chứng của địa phương đáp ứng các yêu cầu về kỹ thuật và tích hợp đồng bộ dữ liệu đầy đủ, chính xác, kịp thời về cơ sở dữ liệu công chứng của Bộ Tư pháp theo quy định;*  m) Nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của [Luật Công chứng](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Dich-vu-phap-ly/Luat-cong-chung-2024-so-46-2024-QH15-524982.aspx), Nghị định này và pháp luật có liên quan.  2. Sở Tư pháp chịu trách nhiệm giúp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện quản lý nhà nước về công chứng tại địa phương, thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của [Luật Công chứng](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Dich-vu-phap-ly/Luat-cong-chung-2024-so-46-2024-QH15-524982.aspx), Nghị định này và pháp luật có liên quan. | **Quy định tại khoản 4 Điều 6**  5. Bãi bỏ trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về đầu tư xây dựng cơ sở dữ liệu công chứng của địa phương điểm l khoản 1 Điều 63 Luật Công chứng số 46/2024/QH15. | Việc bãi bỏ điểm l khoản 1 Điều 63 về trách nhiệm của Uỷ ban nhân dân cấp tỉnh về đầu tư xây dựng cơ sở dữ liệu công chứng của địa phương đáp ứng các yêu cầu về kỹ thuật và tích hợp đồng bộ dữ liệu đầy đủ, chính xác, kịp thời về cơ sở dữ liệu công chứng của Bộ Tư pháp theo quy định để đảm bảo sự thống nhất giữa Luật Công chứng và văn bản hướng dẫn thi hành Luật. |
| **Thông tư số 05/2025/TT-BTP quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Công chứng** |  |  |
| **Điều 18. Bàn giao hồ sơ công chứng của Văn phòng công chứng tạm ngừng hoạt động, tổ chức hành nghề công chứng giải thể hoặc chấm dứt hoạt động**  1. Việc bàn giao hồ sơ công chứng của Văn phòng công chứng tạm ngừng hoạt động theo quy định tại khoản 4 Điều 32 của Luật Công chứng được thực hiện theo quy định sau đây:  a)Sở Tư pháp nơi Văn phòng công chứng đăng ký hoạt động chỉ định 01 tổ chức hành nghề công chứng tiếp nhận hồ sơ công chứng trên cơ sở thỏa thuận của Văn phòng công chứng tạm ngừng hoạt động với tổ chức hành nghề công chứng đó; trường hợp không thỏa thuận được thì Sở Tư pháp tự mình chỉ định tổ chức hành nghề công chứng tiếp nhận hồ sơ công chứng. Việc chỉ định tổ chức hành nghề công chứng tiếp nhận hồ sơ công chứng và người có trách nhiệm bàn giao hồ sơ công chứng được ghi rõ trong quyết định tạm ngừng hoạt động của Văn phòng công chứng.  Thông tin về tên, địa chỉ của tổ chức hành nghề công chứng tiếp nhận hồ sơ của Văn phòng công chứng tạm ngừng hoạt động được niêm yết tại trụ sở của Văn phòng công chứng tạm ngừng hoạt động, đồng thời được đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Sở Tư pháp trong thời gian ít nhất là 30 ngày kể từ ngày quyết định tạm ngừng hoạt động của Văn phòng công chứng có hiệu lực thi hành;  b) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày quyết định tạm ngừng hoạt động của Văn phòng công chứng có hiệu lực, Sở Tư pháp chủ trì, phối hợp với Hội công chứng viên, cơ quan, tổ chức có liên quan, người có trách nhiệm bàn giao hồ sơ, tổ chức hành nghề công chứng được chỉ định tiếp nhận hồ sơ để thống nhất về phương thức bàn giao hồ sơ công chứng và được lập thành biên bản có chữ ký của các cơ quan, tổ chức, cá nhân quy định tại điểm này;  c) Khi có yêu cầu sửa lỗi kỹ thuật trong văn bản công chứng, sửa đổi, bổ sung, chấm dứt, hủy bỏ giao dịch, cấp bản sao văn bản công chứng hoặc công chứng hợp đồng thế chấp theo quy định tại khoản 2 Điều 56 của Luật Công chứng, người có yêu cầu liên hệ với tổ chức hành nghề công chứng được chỉ định tiếp nhận hồ sơ công chứng. Tổ chức hành nghề công chứng được chỉ định và Văn phòng công chứng tạm ngừng hoạt động thực hiện việc bàn giao hồ sơ công chứng theo phương thức đã được thống nhất. Việc bàn giao phải được lập thành biên bản có chữ ký của các bên tham gia bàn giao;  d) Tổ chức hành nghề công chứng nhận bàn giao hồ sơ có trách nhiệm cập nhật thông tin liên quan đến hồ sơ bàn giao vào cơ sở dữ liệu công chứng của địa phương từ thời điểm nhận bàn giao;  đ) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày Văn phòng công chứng hết thời hạn tạm ngừng hoạt động, các hồ sơ công chứng đã được bàn giao theo quy định tại điểm b, c khoản này được bàn giao lại cho Văn phòng công chứng đó. Việc bàn giao lại cũng được lập thành biên bản theo quy định của điểm b khoản này.  2. Việc bàn giao hồ sơ công chứng trong trường hợp chỉ định tổ chức hành nghề công chứng tiếp nhận hồ sơ của tổ chức hành nghề công chứng giải thể hoặc chấm dứt hoạt động theo quy định tại khoản 5 Điều 68 của Luật Công chứng được thực hiện theo quy định sau đây:  a) Chậm nhất là 30 ngày kể từ ngày có quyết định giải thể Phòng công chứng hoặc quyết định thu hồi giấy đăng ký hoạt động của Văn phòng công chứng, Sở Tư pháp tổ chức việc bàn giao hồ sơ công chứng cho tổ chức hành nghề công chứng được chỉ định tiếp nhận hồ sơ công chứng. Việc bàn giao hồ sơ công chứng phải có sự tham gia của Hội công chứng viên và được lập thành biên bản, có chữ ký, đóng dấu của đại diện Sở Tư pháp và các bên tham gia; trường hợp bên giao hồ sơ công chứng không ký thì ghi rõ vào biên bản;  b) Trong trường hợp cá nhân, tổ chức có trách nhiệm bàn giao hồ sơ công chứng mà không bàn giao hoặc không thể bàn giao thì Sở Tư pháp phối hợp với các cơ quan có liên quan tại địa phương tổ chức bàn giao hồ sơ công chứng cho tổ chức hành nghề công chứng được chỉ định tiếp nhận hồ sơ. Việc bàn giao hồ sơ công chứng phải lập thành biên bản theo quy định tại điểm a khoản này;  c) Tổ chức hành nghề công chứng nhận bàn giao hồ sơ có trách nhiệm cập nhật thông tin liên quan đến hồ sơ công chứng bàn giao vào cơ sở dữ liệu công chứng của địa phương từ thời điểm nhận bàn giao. | **Quy định tại khoản 4 Điều 5**  4. Tổ chức hành nghề công chứng có nghĩa vụ cung cấp thông tin để đưa vào Cơ sở dữ liệu công chứng theo quy định tại khoản 1 Điều này. Trường hợp nhận bàn giao hồ sơ của Văn phòng công chứng tạm ngừng hoạt động, tổ chức hành nghề công chứng giải thể hoặc chấm dứt hoạt động có trách nhiệm cập nhật thông tin liên quan đến hồ sơ bàn giao vào cơ sở dữ liệu công chứng từ thời điểm nhận bàn giao | Việc sửa đổi điểm đ khoản 1 và điểm c khoản 2 Điều 18 nhằm đảm bảo sự thống nhất giữa Luật Công chứng và văn bản hướng dẫn thi hành Luật. |
| **Điều 23. Kiểm tra về tổ chức và hoạt động công chứng**  1. Sở Tư pháp giúp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện kiểm tra về tổ chức và hoạt động công chứng tại địa phương. Sở Tư pháp thực hiện kiểm tra đột xuất theo yêu cầu của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Bộ Tư pháp hoặc trong trường hợp phát hiện có dấu hiệu vi phạm pháp luật, giải quyết khiếu nại, tố cáo.  Cục Bổ trợ tư pháp giúp Bộ trưởng Bộ Tư pháp thực hiện kiểm tra về tổ chức và hoạt động công chứng trong phạm vi toàn quốc. Cục Bổ trợ tư pháp thực hiện kiểm tra đột xuất theo yêu cầu của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hoặc trong trường hợp phát hiện có dấu hiệu vi phạm pháp luật, giải quyết khiếu nại, tố cáo.  Việc kiểm tra định kỳ phải được lập kế hoạch; thời gian và nội dung kiểm tra phải được thông báo bằng văn bản cho đối tượng kiểm tra chậm nhất là 15 ngày trước ngày tiến hành kiểm tra.  2. Việc kiểm tra tập trung vào các nội dung chủ yếu sau đây:  a) Đối với tổ chức hành nghề công chứng: Việc đăng ký hoạt động và đề nghị cấp, cấp lại, thu hồi thẻ công chứng viên; việc giải quyết các yêu cầu công chứng; việc lập, quản lý, sử dụng, lưu trữ các loại sổ sách và các giấy tờ, hồ sơ, tài liệu có liên quan; thực hiện quy định về báo cáo, lao động, thống kê, thuế, tài chính, kế toán, phòng chống rửa tiền và việc thực hiện các quyền, nghĩa vụ khác của tổ chức hành nghề công chứng, công chứng viên hành nghề tại tổ chức theo quy định của [Luật Công chứng](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Dich-vu-phap-ly/Luat-cong-chung-2024-so-46-2024-QH15-524982.aspx), các văn bản hướng dẫn thi hành và pháp luật có liên quan.  b) Đối với tổ chức xã hội - nghề nghiệp của công chứng viên: Việc kết nạp, rút tên khỏi danh sách hội viên; bồi dưỡng nghiệp vụ; giải quyết, khiếu nại, tố cáo; xử lý kỷ luật; việc thực hiện các quy định của pháp luật về báo cáo, tài chính, kế toán, thống kê và việc thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn khác của tổ chức xã hội - nghề nghiệp của công chứng viên theo quy định của [Luật Công chứng](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Dich-vu-phap-ly/Luat-cong-chung-2024-so-46-2024-QH15-524982.aspx), các văn bản hướng dẫn thi hành, Điều lệ Hiệp hội công chứng viên Việt Nam và pháp luật có liên quan.  c) Đối với Sở Tư pháp: Việc thành lập Phòng công chứng, Văn phòng công chứng; cấp, cấp lại, thu hồi giấy đăng ký hoạt động của Văn phòng công chứng; cấp, cấp lại, thu hồi thẻ công chứng viên; quản lý về tập sự hành nghề công chứng; công tác kiểm tra, báo cáo định kỳ, báo cáo đột xuất; lập, quản lý, sử dụng sổ sách; *quản lý, vận hành cơ sở dữ liệu công chứng của địa phương* và việc thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của [Luật Công chứng](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Dich-vu-phap-ly/Luat-cong-chung-2024-so-46-2024-QH15-524982.aspx), các văn bản hướng dẫn thi hành và pháp luật có liên quan.  3. Phương thức kiểm tra bao gồm: Kiểm tra trực tiếp; kiểm tra gián tiếp qua báo cáo.  4. Hình thức kiểm tra bao gồm:  a) Kiểm tra theo kế hoạch đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt;  b) Kiểm tra đột xuất khi phát hiện cơ quan, tổ chức, cá nhân có dấu hiệu vi phạm pháp luật hoặc theo yêu cầu của việc giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh, phòng, chống tham nhũng, tiêu cực hoặc do Bộ trưởng Bộ Tư pháp hoặc cấp có thẩm quyền giao.  5. Thời hạn kiểm tra là khoảng thời gian đoàn kiểm tra làm việc trực tiếp với đối tượng kiểm tra. Tùy theo hình thức, nội dung, phạm vi kiểm tra và các điều kiện bảo đảm, người ra Quyết định kiểm tra xác định về thời hạn kiểm tra nhưng không quá 10 ngày làm việc. Trường hợp cần thiết, Trưởng Đoàn kiểm tra báo cáo người ra Quyết định kiểm tra gia hạn thời hạn kiểm tra nhưng không quá 10 ngày làm việc.  6. Đoàn kiểm tra có nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:  a) Thực hiện đúng nội dung, thời hạn ghi trong quyết định kiểm tra;  b) Gia hạn kiểm tra trong trường hợp cần thiết (thời gian gia hạn tối đa bằng thời hạn kiểm tra đã thông báo trước đó);  c) Yêu cầu đối tượng kiểm tra cung cấp thông tin, giấy tờ, hồ sơ, tài liệu liên quan đến nội dung kiểm tra;  d) Lập biên bản kiểm tra, xây dựng báo cáo kết quả kiểm tra và chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực, khách quan của biên bản, báo cáo đó;  đ) Xử lý theo thẩm quyền và chuyển cơ quan có thẩm quyền, người có thẩm quyền trong trường hợp phát hiện vi phạm về tổ chức và hoạt động công chứng;  e) Bảo mật thông tin liên quan đến quá trình kiểm tra theo quy định của pháp luật.  7. Đối tượng kiểm tra có các quyền và nghĩa vụ sau đây:  a) Đối tượng kiểm tra có các quyền: Đề nghị thành viên Đoàn kiểm tra và các cơ quan, tổ chức có liên quan giữ bí mật thông tin trong quá trình kiểm tra theo quy định của pháp luật; nhận biên bản kiểm tra và yêu cầu giải thích nội dung biên bản kiểm tra; bảo lưu ý kiến trong biên bản kiểm tra; từ chối cung cấp thông tin, giấy tờ, hồ sơ tài liệu không liên quan đến nội dung kiểm tra, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác; tố cáo hành vi vi phạm pháp luật trong quá trình kiểm tra và các quyền khác theo quy định của pháp luật;  b) Đối tượng kiểm tra có các nghĩa vụ: Chấp hành quyết định kiểm tra đã được ban hành; cung cấp kịp thời, đầy đủ, chính xác các thông tin, giấy tờ, hồ sơ, tài liệu liên quan đến nội dung kiểm tra theo yêu cầu của Đoàn kiểm tra và chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của thông tin, giấy tờ, hồ sơ, tài liệu đã cung cấp; ký biên bản kiểm tra sau khi kết thúc kiểm tra; chấp hành quyết định của Đoàn kiểm tra và các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.  8. Trình tự, thủ tục kiểm tra được tiến hành như sau:  a) Công bố nội dung, chương trình kiểm tra khi bắt đầu tiến hành kiểm tra về tổ chức và hoạt động công chứng;  b) Đối chiếu, kiểm tra, đánh giá nội dung báo cáo và các sổ sách, giấy tờ, hồ sơ, tài liệu được xuất trình theo quy định của pháp luật;  c) Lập biên bản vi phạm pháp luật (nếu có) trong quá trình kiểm tra; lập biên bản kiểm tra về tổ chức và hoạt động công chứng sau khi kết thúc kiểm tra;  d) Ban hành Kết luận kiểm tra;  đ) Xử lý theo thẩm quyền hoặc đề nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý hành vi vi phạm pháp luật trong tổ chức và hoạt động công chứng (nếu có).  9. Bộ Ngoại giao quyết định việc kiểm tra về tổ chức và hoạt động công chứng do viên chức ngoại giao thực hiện ở nước ngoài theo thẩm quyền. | **Quy định tại khoản 6 Điều 6**  6. Bãi bỏ nội dung kiểm tra việc vận hành Cơ sở dữ liệu công chứng của địa phương đối với Sở Tư pháp quy định tại điểm c khoản 2 Điều 23 Thông tư số 05/2025/TT-BTP quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Công chứng. | Việc bãi bỏ cụm từ “*quản lý, vận hành cơ sở dữ liệu công chứng của địa phương*” tại điểm c khoản 2 Điều 23 vì dự thảo Nghị quyết theo hướng có một Cơ sở dữ liệu công chứng tập trung, thống nhất trong phạm vi toàn quốc mà không còn Cơ sở dữ liệu của địa phương; do đó không cần thiết phải có quy định này nhằm đảm bảo sự thống nhất giữa các văn bản quy phạm pháp luật. |
| Pháp luật hiện hành chưa có quy định về việc thu, quản lý phí khai thác, sử dụng dữ liệu trong Cơ sở dữ liệu công chứng | **-** Quy định tại khoản 7 Điều 5 như sau:  7. Bộ Tư pháp thu, quản lý phí khai thác, sử dụng dữ liệu trong Cơ sở dữ liệu công chứng. Phí khai thác, sử dụng dữ liệu trong Cơ sở dữ liệu công chứng thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan.  Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với Bộ Tư pháp quy định chế độ thu, nộp, quản lý, sử dụng phí khai thác, sử dụng dữ liệu trong Cơ sở dữ liệu công chứng (khoản 7 Điều 5).  - Đồng thời quy định tại khoản 3 Điều 7 như sau:  3. Bộ Tài chính trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ của mình có trách nhiệm rà soát, đề xuất sửa đổi, bổ sung Phụ lục số 01 về Danh mục phí, lệ phí ban hành kèm theo [Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Thue-Phi-Le-Phi/Luat-phi-va-le-phi-2015-298376.aspx) đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số [09/2017/QH14](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Van-hoa-Xa-hoi/Luat-du-lich-2017-322936.aspx), Luật số [23/2018/QH14](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Doanh-nghiep/Luat-canh-tranh-345182.aspx), Luật số [72/2020/QH14](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Tai-nguyen-Moi-truong/Luat-so-72-2020-QH14-Bao-ve-moi-truong-2020-431147.aspx), Luật số [16/2023/QH15](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Tai-chinh-nha-nuoc/Luat-Gia-2023-16-2023-QH15-519324.aspx), Luật số [20/2023/QH15](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Cong-nghe-thong-tin/Luat-Giao-dich-dien-tu-2023-20-2023-QH15-513347.aspx), Luật số [24/2023/QH15](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Cong-nghe-thong-tin/Luat-Vien-thong-24-2023-QH15-535782.aspx), Luật số [33/2024/QH15](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Bo-may-hanh-chinh/Luat-Luu-tru-2024-545181.aspx) và Luật số [35/2024/QH15](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Giao-thong-Van-tai/Luat-Duong-bo-2024-588811.aspx) để bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ. | Việc đề xuất quy định này để đảm bảo sự thống nhất với Luật Dữ liệu năm 2024[[2]](#footnote-1); tạo cơ sở pháp lý cho việc thu phí khai thác, sử dụng dữ liệu trong Cơ sở dữ liệu công chứng. Việc thu phí này nhằm đảm bảo có nguồn kinh phí để vận hành hoạt động Cơ sở dữ liệu công chứng, giúp giảm bớt gánh nặng cho ngân sách nhà nước. |
| Pháp luật công chứng chưa có quy định | **Quy định tại Điều 8 về điều khoản chuyển tiếp**  Trong thời gian Bộ Tư pháp xây dựng Cơ sở dữ liệu công chứng tập trung, thống nhất, Cơ sở dữ liệu công chứng của địa phương tiếp tục duy trì hoạt động. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hình thành sau sắp xếp quyết định lựa chọn Cơ sở dữ liệu công chứng của một trong các tỉnh, thành phố được sắp xếp làm Cơ sở dữ liệu sử dụng cho địa bàn cấp tỉnh mới; xem xét, quyết định việc sửa đổi, bổ sung quy chế quản lý, cập nhật, khai thác, sử dụng, chia sẻ Cơ sở dữ liệu công chứng để phù hợp với tình hình thực tiễn tại địa phương. | Việc đề xuất bổ sung quy định này nhằm đảm bảo không có khoảng trống trong việc sử dụng, khai thác Cơ sở dữ liệu công chứng tại địa phương phục vụ hoạt động quản lý nhà nước và hoạt động hành nghề công chứng. |

1. CSDLCC thuộc nhóm CSDL cần rà soát phục vụ chỉ đạo, điều hành và giải quyết thủ tục hành chính [↑](#footnote-ref-0)
2. **Điều 38. Phí khai thác, sử dụng dữ liệu trong Cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia và cơ sở dữ liệu khác do cơ quan nhà nước quản lý**

   1. Cơ quan Đảng, Nhà nước, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội khai thác, sử dụng thông tin trong Cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia và cơ sở dữ liệu khác do cơ quan nhà nước quản lý không phải nộp phí.

   2. Tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng dữ liệu của mình trong Cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia và cơ sở dữ liệu khác do cơ quan nhà nước quản lý không phải nộp phí.

   3. Tổ chức, cá nhân không thuộc quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này khai thác, sử dụng dữ liệu trong Cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia và cơ sở dữ liệu khác do cơ quan nhà nước quản lý phải nộp phí theo quy định của pháp luật về phí và lệ phí. [↑](#footnote-ref-1)